

VN-Index **1879.13 (0.77%)**

1100 Tr. cổ phiếu 35825.6 Tỷ VND (-13.01%)

HNX-Index **252.28 (-0.35%)**

103 Tr. cổ phiếu 2128.6 Tỷ VND (-27.42%)

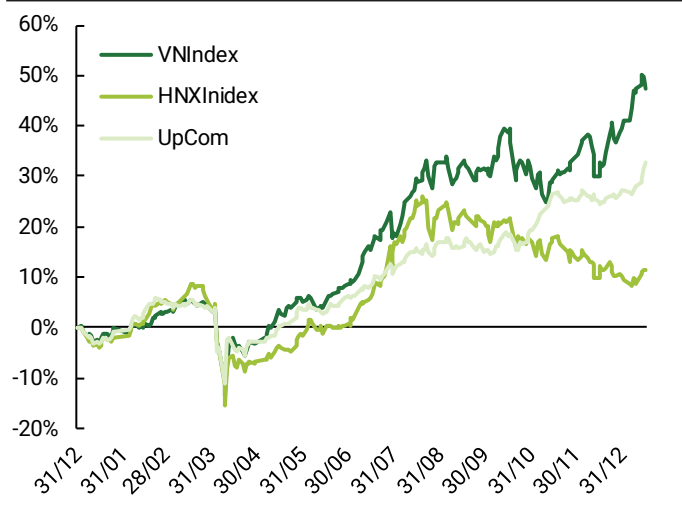
UPCOM-Index **127.06 (0.78%)**

125 Tr. cổ phiếu 1438.4 Tỷ VND (-37.90%)

VN30F1M **2081.20 (1.96%)**

276,740 HD OI: 33,897 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1879.1, tăng +14.3 điểm (+0.77%). Thanh khoản giảm với độ rộng nghiêng về bên bán. Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30 trong khi HNXIndex giảm.
- Điểm nhấn trong phiên:** Dòng tiền tiếp tục luân chuyển trên thị trường, song lần này, áp lực chốt lời đã chiếm ưu thế hơn ở các Doanh nghiệp Nhà nước tăng nóng gần đây khiến chỉ số thu hẹp đà tăng.
Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: VIC (+4.5%), VHM (+3.4%) | Công nghệ: ICT (+5.5%), ELC (+6.4%), FPT (+6.9%) | Bán lẻ: MWG (+3.6%), FRT (+6.2%), DGW (+7.0%) | Ngân hàng: VCB (+1.5%), STB (+1.0%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VTP (-5.3%), GEX (-3.3%), TV2 (-2.4%) | Tiện ích: GAS (-3.1%) | Thực phẩm và đồ uống: VNM (-2.0%), DBC (-1.1%) | Dịch vụ tài chính: VIX (-1.6%), VND (-1.4%), EVF (-1.3%).
Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, FPT, VCB, MWG - Chiều giảm | GAS, MCH, GVR, HDB, HVN
Khối ngoại Bán ròng hơn 1100 tỷ, tập trung nhiều ở PNJ, VIX, VRE, trong khi mua ròng FPT, VIC, BCM.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến sao rơi cho thấy áp lực chốt lời chiếm ưu thế. Thanh khoản giảm hàm ý lực cầu mua lên vùng cao suy yếu, bên cạnh độ rộng thị trường cũng nghiêng về số mã giảm. Đáng chú ý, các chỉ báo kỹ thuật bắt đầu hạ nhiệt, phản ánh động lượng tăng đang chững lại. Dòng tiền vẫn luân chuyển giữa các ngành tìm kiếm cơ hội mới, song bức tranh phân hóa có lẽ sẽ trở lại. VN-Index khả năng tiếp tục củng cố dao động trong vùng giá 1850 - 1900 điểm. Ở chiều thận trọng, ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn cần lưu ý quanh mức 1840 điểm. Nếu đánh mất ngưỡng này, áp lực điều chỉnh sẽ gia tăng hơn với rủi ro tìm về lại mốc tâm lý 1800 điểm.
- HNX-Index** kết phiên trong sắc đỏ, tiếp tục cho thấy lực cung thắng thế hơn trong chiều hồi phục. Chỉ số nhiều khả năng vẫn trong trạng thái tích lũy, với mục tiêu hướng tới kiểm định vùng kháng cự 258-260 điểm.
- Chiến lược chung:** Với các mã đạt mục tiêu ngắn hạn, NĐT có thể cân nhắc chốt lời. Chiều mua mới nên tận dụng khi cổ phiếu hạ nhiệt hơn là hưng phấn mua đuổi, tập trung vào các doanh nghiệp Nhà nước đầu ngành. Các vị thế còn lại nếu chưa vi phạm có thể tiếp tục Nắm giữ. Những nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Tiện ích, Tiêu dùng, Dầu khí.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi BVB (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,879.1	📈	0.77%	1.3%	14.2%	35,825.6	📉	-13.0%	-10.8%	90.7%	1,100.0	📉	-15.9%	-13.0%	60.2%	
HNX-Index	252.3	📉	-0.35%	1.3%	1.2%	2,128.6	📉	-27.4%	-9.9%	65.2%	103.4	📈	18.9%	1.4%	60.1%	
UPCOM-Index	127.1	📈	0.78%	4.5%	7.2%	1,438.4	📉	-37.9%	-3.9%	89.9%	125.4	📈	39.0%	76.7%	97.8%	
VN30	2,080.4	📈	1.6%	0.3%	11.3%	21,902.5	📉	-16.5%	-15.5%	109.7%	476.5	📉	-22.8%	-29.3%	65.4%	
VNMID	2,277.9	📉	-0.1%	2.6%	6.8%	10,529.4	📉	-8.8%	2.9%	66.4%	373.2	📉	-17.1%	-10.8%	40.7%	
VNSML	1,504.3	📈	0.23%	2.5%	2.4%	1,741.1	📈	7.1%	34.5%	53.6%	106.1	📈	0.9%	23.1%	14.5%	
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	700.1	📈	0.1%	6.21%	17.7%	8,342.7	📉	-34.55%	-40.0%	-4.5%	267.2	📉	-34.5%	-41.8%	-16.1%	
Bất động sản	809.4	📈	3.2%	-10.7%	11.6%	4,849.5	📉	-30.7%	-28.5%	-5.2%	141.5	📉	-27.2%	-33.1%	-3.3%	
Dịch vụ tài chính	328.5	📈	0.1%	4.4%	5.9%	4,937.1	📉	-14.3%	-17.0%	33.0%	179.5	📉	-14.2%	-18.5%	26.8%	
Công nghiệp	292.3	📉	-0.1%	4.7%	18.2%	1,714.2	📈	5.5%	-15.5%	15.4%	39.6	📈	3.2%	-22.5%	13.1%	
Tài nguyên cơ bản	546.1	📉	-0.1%	4.4%	5.5%	2,149.3	📉	-3.3%	17.5%	66.8%	86.5	📉	-8.6%	13.5%	58.5%	
Xây dựng - Vật Liệu	188.1	📉	-1.0%	4.1%	4.7%	1,205.3	📉	-15.9%	-24.4%	11.8%	56.4	📉	-12.9%	-21.1%	12.0%	
Thực phẩm	559.3	📉	-1.3%	3.3%	5.2%	3,224.1	📈	3.3%	19.6%	56.1%	60.3	📈	1.5%	2.9%	21.6%	
Bán Lẻ	1,599.0	📈	4.0%	-2.6%	7.9%	1,332.9	📈	48.3%	34.8%	42.3%	18.6	📈	44.7%	32.3%	47.0%	
Công nghệ	562.6	📈	6.6%	2.4%	5.4%	2,669.0	📈	135.7%	137.9%	266.7%	31.5	📈	123.5%	135.6%	218.3%	
Hóa chất	189.3	📉	-2.93%	16.8%	24.1%	1,003.3	📉	-32.9%	-25.8%	-0.3%	26.2	📉	-28.4%	-30.7%	8.4%	
Tiện ích	865.4	📉	-1.3%	8.2%	36.1%	955.3	📈	26.5%	-6.3%	54.8%	31.4	📈	22.8%	-13.5%	26.5%	
Dầu khí	98.4	📉	-1.39%	14.5%	45.3%	1,638.3	📉	-4.3%	-2.7%	79.6%	53.8	📉	-4.9%	-13.2%	48.3%	
Dược phẩm	448.4	📈	0.7%	2.4%	6.0%	48.9	📈	35.6%	-6.1%	-14.8%	1.8	📈	5.4%	-21.5%	-29.4%	
Bảo hiểm	116.3	📈	0.5%	10.0%	33.0%	276.9	📈	26.2%	65.2%	203.6%	5.4	📉	-1.1%	42.0%	134.3%	

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,879.1	0.8%	48.3%	18.1x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,276	1.13%	-8.9%	13.5x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	9,075	-	28.2%	22.7x	2.4x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,645	-0.09%	0.5%	16.8x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,465	-0.35%	-1.0%	10.9x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,102	-0.26%	22.4%	19.6x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,845	-0.29%	33.8%	13.7x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	53,936	-0.32%	35.2%	22.8x	2.7x
S&P 500	Mỹ	6,944	0.26%	18.1%	27.7x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	49,442	0.60%	16.2%	25.6x	5.9x
FTSE 100	Anh	10,251	0.12%	25.4%	15.4x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,027	-0.24%	23.1%	18.2x	2.6x
DXV		99.2	0.17%	-8.5%		
USDVND		26,268	-0.01%	3.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

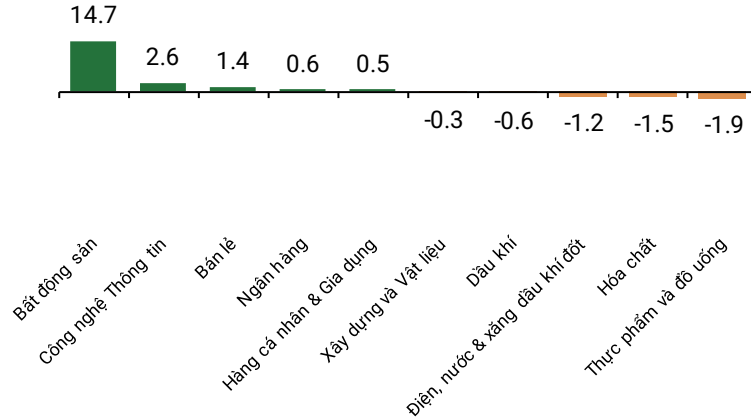
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	1.3%	9.6%	-13.5%	-20.6%
Dầu WTI	▲	1.3%	8.5%	-16.4%	-23.8%
Khí gas	▲	1.8%	-18.0%	-12.3%	-25.2%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-6.7%	-13.7%	-10.9%
Thép HRC (*)	▬	0.2%	1.3%	-5.0%	-3.7%
PVC (*)	▬	0.0%	0.8%	-11.5%	-10.5%
Phân Urea (*)	▼	-0.6%	6.9%	13.8%	11.1%
Cao su thiên nhiên	▼	-2.0%	4.0%	-8.1%	-7.6%
Bông Cotton	▼	-0.4%	2.6%	-5.4%	-3.0%
Đường	▬	0.7%	-0.3%	-23.3%	-19.7%
World Container Index	▼	-4.4%	25.0%	-35.7%	-36.6%
Baltic Dirty tanker Index	▲	6.4%	8.0%	61.8%	64.5%
Vàng	▼	-0.3%	7.2%	75.7%	69.9%
Bạc	▼	-2.4%	42.5%	214.4%	194.9%

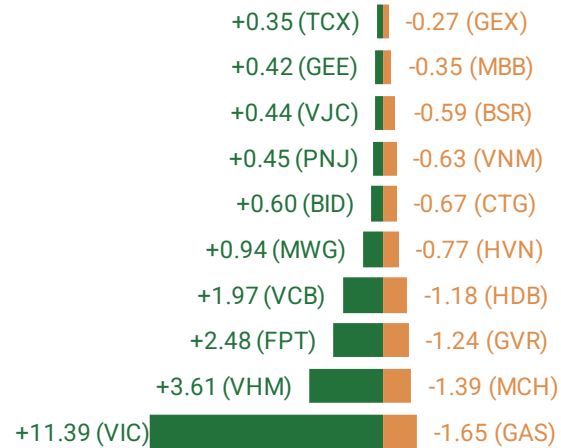
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

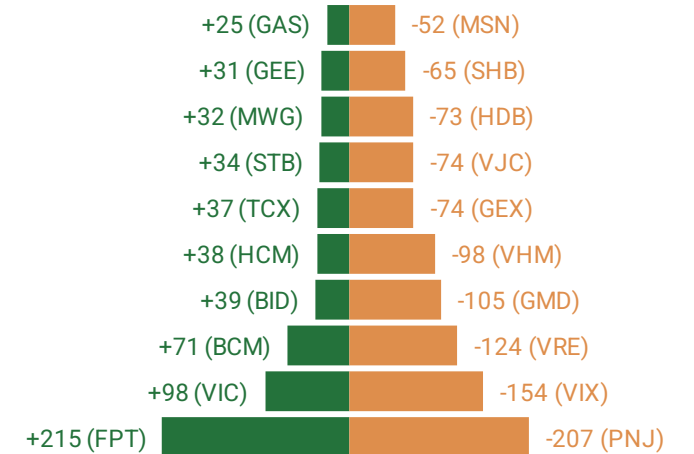
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



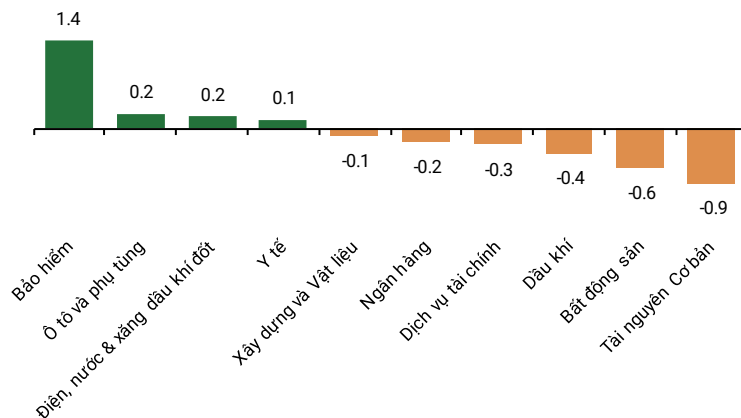
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



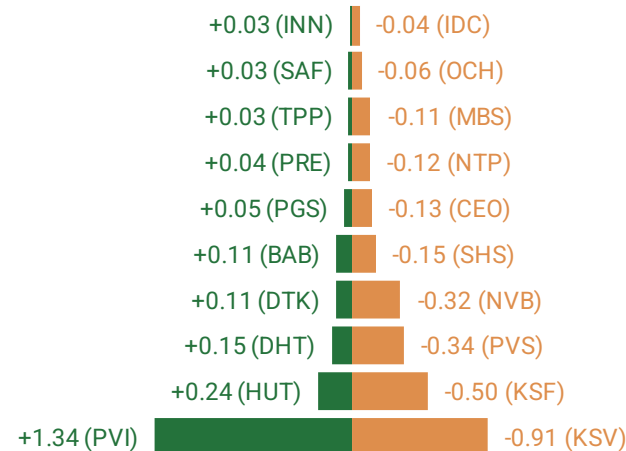
TOP CỔ PHIẾU NGẪN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



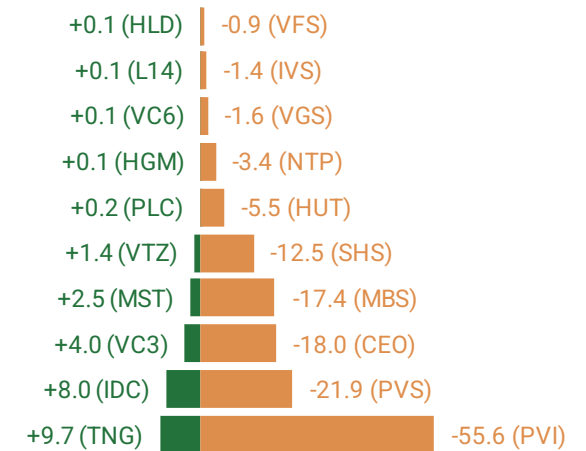
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



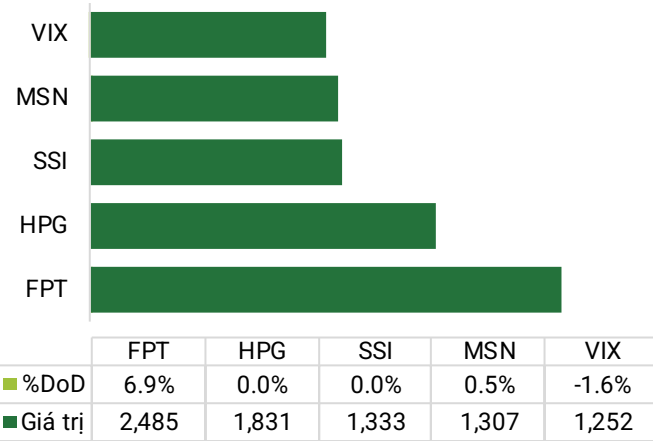
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



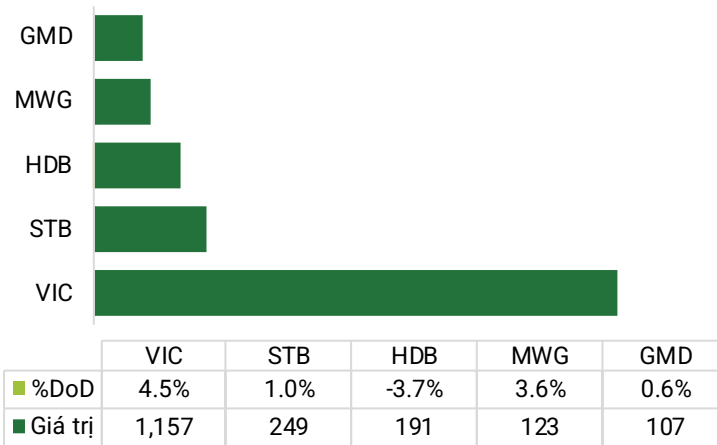
TOP CỔ PHIẾU NGẪN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

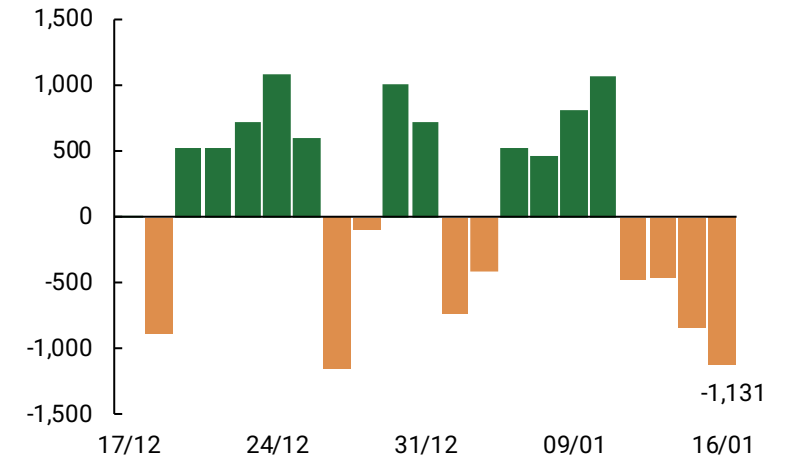


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

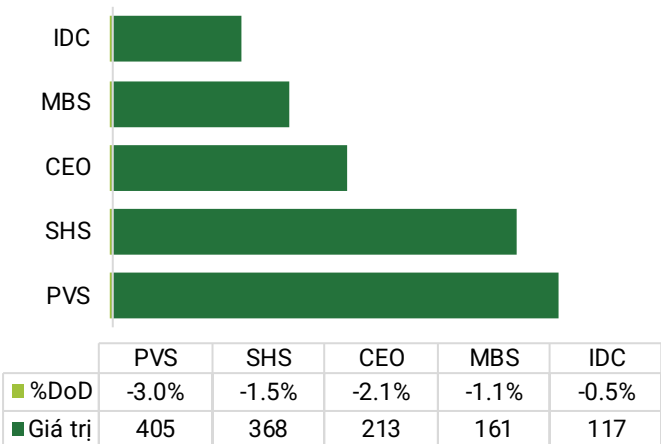


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

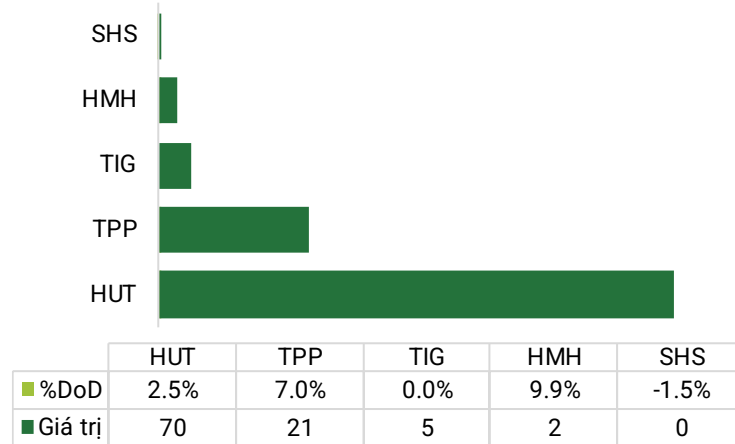
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



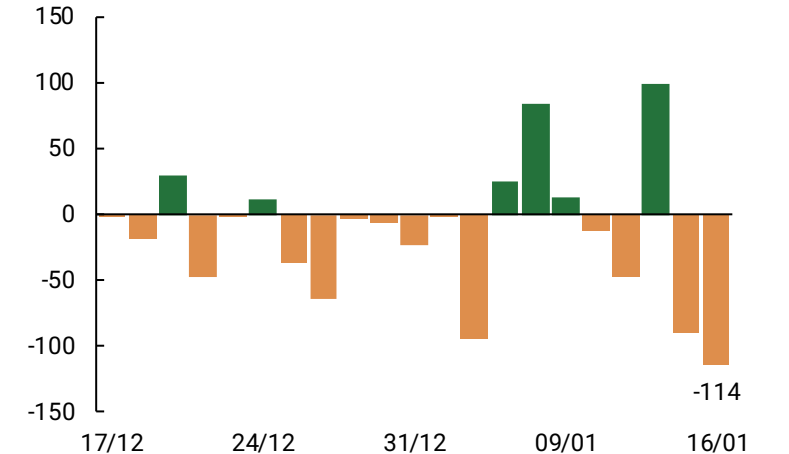
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến sao rơi, vol giảm nhưng vẫn trên bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1780 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1900.
- ✓ Chỉ báo RSI hạ nhiệt dưới vùng quá mua.
- ✓ Xu hướng: Củng cố nền giá trên ngưỡng 1850.

Kịch bản: Chỉ số hạ nhiệt trong nỗ lực hồi phục cho thấy áp lực chốt lời trên vùng cao vẫn chi phối. Đồng thời, thanh khoản sụt giảm hàm ý lực cầu chấp nhận tham gia vùng giá cao suy yếu. Chỉ báo RSI cũng giảm về dưới ngưỡng quá mua 70, phản ánh động lượng chững lại. Khu vực quanh 1850 – 1900 có khả năng tiếp tục được kiểm định.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến sao rơi, vol giảm về ngang mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 2020 – 2050.
- ✓ Kháng cự: 2100.
- ✓ Chỉ báo RSI hạ nhiệt dưới vùng quá mua.
- ✓ Xu hướng: Củng cố nền giá quanh ngưỡng 2050.

➔ Vận động nhìn chung rung lắc củng cố quanh khu vực 2040 – 2080. Đáng chú ý thanh khoản sụt giảm mạnh hàm ý lực cầu mua lên vùng cao bắt đầu suy yếu. Thay vào đó, áp lực chốt lời đang trở lại chi phối. Nếu nhóm trụ cột tiếp tục điều chỉnh, không loại trừ khả năng VN30 kiểm định lại ngưỡng 2000 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	BVB	WATCH	Current price	14.2	P/E (x)	16.2
Exchange	UPCoM		Watch zone	13.5 - 13.8	P/B (x)	1.2
Sector	Banks		Target price	15.2	EPS	875.2
			Cut loss price	12.8	ROE	7.7%
					Stock Rating	BBB
					Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá thoát khỏi vùng tích lũy 13 – 13.5.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu và trở lại miền dương, trong khi RSI cũng phục hồi lên trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng cải thiện.
 - Thanh khoản tăng phản ánh dòng tiền quay trở lại.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh nếu có nghiêng về củng cố lại đà và có thể trở lại quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, nếu giá hạ nhiệt kiểm định tốt vùng 13.5 – 13.8 có thể cân nhắc mở vị thế Mua.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Vùng giá Theo dõi	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	BVB	Theo dõi	19/01/2026	14.2	13.5 – 13.8	-	15.2	11.4%	12.8	-6.2%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	KLB	Mua	23/12/2025	-	18.15	16.8 - 17.2	6.8%	20.0	17.6%	15.8	-7.1%	15/01 giao dịch trên HOSE
2	DHC	Mua	07/01/2026	-	34.10	33.6 - 34	0.9%	37.0	9.5%	32.0	-5.3%	
3	KBC	Mua	09/01/2026	-	35.60	35 - 35.5	1.0%	39.5	12.1%	33	-6.4%	
4	PHR	Mua	14/01/2026	-	66.00	61 - 62	7.3%	70.0	13.8%	58	-5.7%	
5	ACB	Mua	14/01/2026	-	24.85	24.5 - 24.9	0.6%	28.0	13.4%	23.5	-4.9%	
6	OIL	Mua	14/01/2026	-	14.58	12.1 - 12.5	18.6%	14.3	16.3%	11.3	-8.1%	
7	TVN	Mua	15/01/2026	-	10.50	8.2 - 8.6	25.7%	9.6	15.0%	7.7	-7.8%	
8	TTN	Mua	16/01/2026	-	19.70	17.5 – 18.0	10.7%	20.0	12.4%	16.6	-6.7%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2081.2, tăng 40.1 điểm (+2.0%). Đà tăng chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch, dù có hạ nhiệt một chút về cuối phiên.
- Ở đồ thị 1 giờ**, giá tạo cụm nến giảm Sao rơi và Marubozu, hàm ý áp lực điều chỉnh chi phối hơn. Chỉ báo RSI cũng hạ nhiệt trở lại. Dù vậy, cần lưu ý các cổ phiếu trụ lớn trong rổ VN30 có thể gây biến động lớn. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 2080, có thể gia tăng thêm nếu giá thấp hơn ngưỡng 2063. Vị thế Long cân nhắc khi giá vượt và củng cố trên ngưỡng 2092.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1961.5, tăng 28.3 điểm (+1.5%). Độ lệch basis +5.2 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 78 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1950, trong khi kháng cự là ngưỡng 1980.

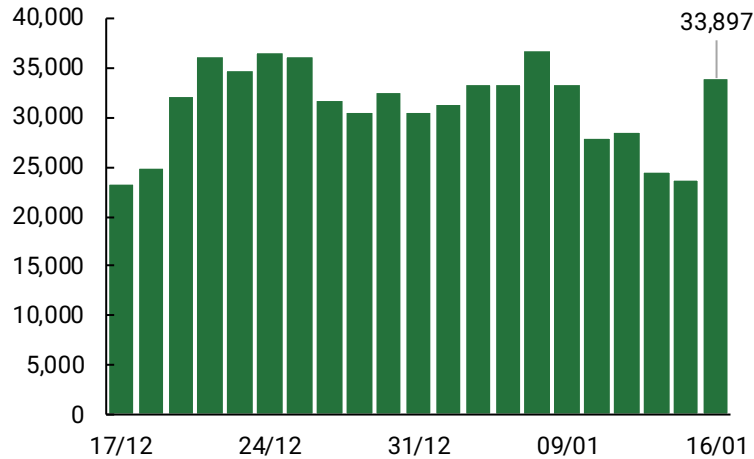
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 2092	2104	2084	12 : 08
Short	< 2080	2068	2088	12 : 08
Short	< 2063	2048	2072	15 : 09

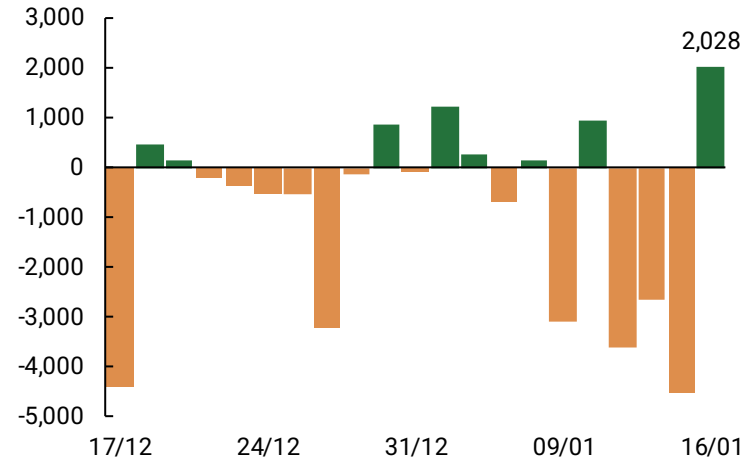
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	2,074.7	2.0	41	14	2,094.3	-19.6	17/09/2026	244
4111G6000	2,077.0	47.2	13	285	2,089.1	-12.1	18/06/2026	153
4111G3000	2,092.6	59.8	689	816	2,083.9	8.7	19/03/2026	62
4111G2000	2,081.2	40.1	276,740	33,897	2,081.9	-0.7	13/02/2026	28
4112G2000	1,961.5	28.3	78	43	1,957.8	3.7	13/02/2026	28

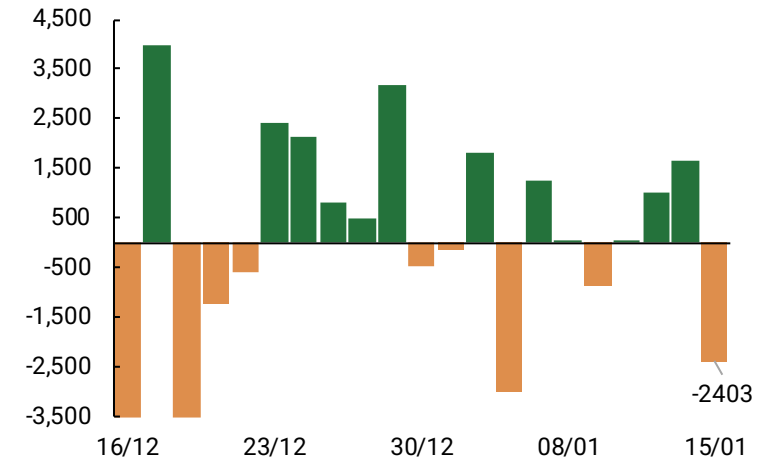
Khối lượng mở (Open interest)



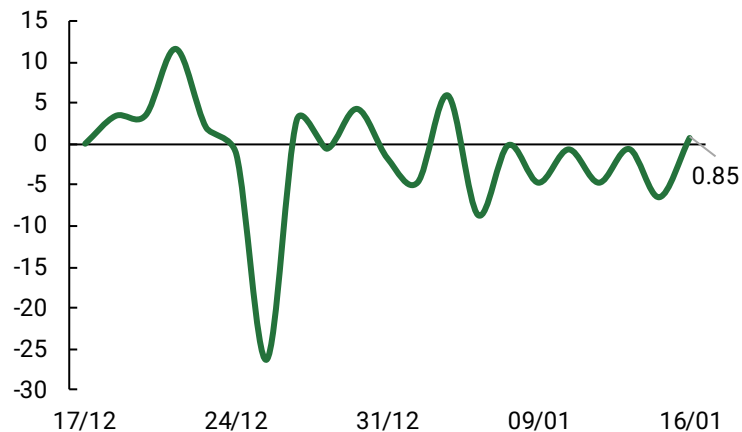
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



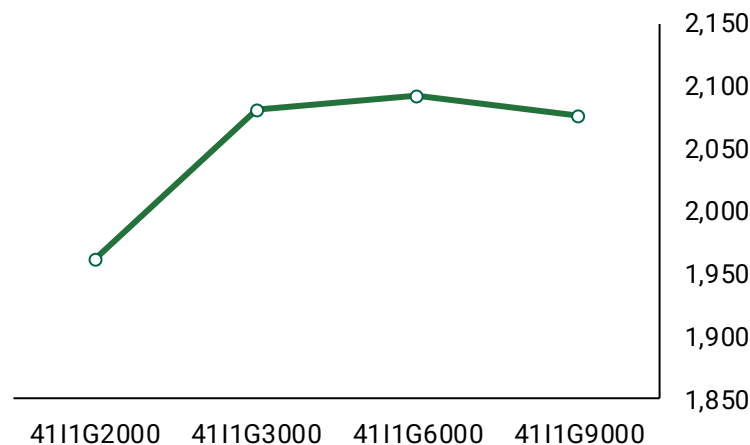
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



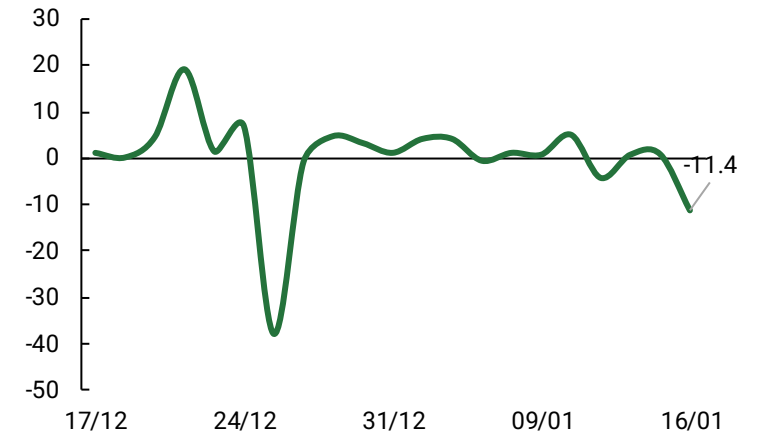
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	72,000	65,400	-9.2%	Giảm tỷ trọng
BCM	77,500	74,500	-3.9%	Giảm tỷ trọng
CTD	76,600	87,050	13.6%	Tăng tỷ trọng
CTI	23,000	27,200	18.3%	Tăng tỷ trọng
DBD	51,700	68,000	31.5%	Mua
DDV	29,270	35,500	21.3%	Mua
DGC	66,000	99,300	50.5%	Mua
DGW	46,000	48,500	5.4%	Nắm giữ
DPG	42,000	53,100	26.4%	Mua
DPR	41,000	46,500	13.4%	Tăng tỷ trọng
DRI	13,423	17,200	28.1%	Mua
EVF	11,550	14,400	24.7%	Mua
FRT	155,000	135,800	-12.4%	Bán
GMD	63,900	72,700	13.8%	Tăng tỷ trọng
HAH	57,600	67,600	17.4%	Tăng tỷ trọng
HDG	26,250	33,800	28.8%	Mua
HHV	12,800	12,300	-3.9%	Giảm tỷ trọng
HPG	27,600	30,200	9.4%	Nắm giữ
IMP	54,200	55,000	1.5%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	27,050	22,700	-16.1%	Bán
MSH	37,150	43,100	16.0%	Tăng tỷ trọng
MWG	87,000	92,500	6.3%	Nắm giữ
NLG	30,650	39,900	30.2%	Mua
NT2	25,950	27,400	5.6%	Nắm giữ
PHR	66,000	72,800	10.3%	Tăng tỷ trọng
PNJ	107,700	95,800	-11.0%	Bán
PVT	20,600	18,900	-8.3%	Giảm tỷ trọng
SAB	52,500	57,900	10.3%	Tăng tỷ trọng
TLG	52,900	53,400	0.9%	Nắm giữ
TCB	35,800	35,650	-0.4%	Giảm tỷ trọng
TCM	27,900	37,900	35.8%	Mua
TRC	83,000	95,800	15.4%	Tăng tỷ trọng
VCG	23,300	26,200	12.4%	Tăng tỷ trọng
VHC	60,100	60,000	-0.2%	Giảm tỷ trọng
VNM	69,600	66,650	-4.2%	Giảm tỷ trọng
VSC	21,750	17,900	-17.7%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

05/01	Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
06/01	Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 12 và Quý 4/2025
09/01	Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
13/01	Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
14/01	Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI), Doanh số bán lẻ
15/01	Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng phái sinh
19/01	Trung Quốc - GDP Quý 4 yoy Việt Nam - Công bố thành phần VN30
20/01	Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản
22/01	Mỹ - GDP Q3 cuối cùng
28/01	Canada - BOC họp và công bố lãi suất
27 – 28/01	Mỹ - FED họp và công bố lãi suất
30/01	Hạn chót tái cơ cấu trước khi danh mục VN30 mới có hiệu lực.

THÔNG TIN VĨ MÔ

Nghị quyết 79 và yêu cầu nâng cao năng lực quản trị kinh tế nhà nước: Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước ra đời trong bối cảnh đất nước đứng trước những yêu cầu phát triển mới, cao hơn, toàn diện hơn và bền vững hơn.

Tổng Bí thư, Thủ tướng Chính phủ dự lễ khởi công nhà máy chế tạo chip bán dẫn đầu tiên tại Việt Nam: Sáng ngày 16/1, tại Hà Nội, Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội (Viettel) chính thức khởi công xây dựng nhà máy chế tạo chip bán dẫn đầu tiên tại Việt Nam. Tổng Bí thư Tô Lâm, Thủ tướng Phạm Minh Chính và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước dự sự kiện

Mỹ và Đài Loan đạt thoả thuận thương mại: Vào ngày 15/1, Mỹ và Đài Loan đã đạt thoả thuận thương mại mà giới quan sát mong đợi từ lâu. Theo thoả thuận, thuế quan áp dụng với hàng hoá Đài Loan sẽ giảm từ 20% xuống 15% và các công ty công nghệ Đài Loan cam kết sẽ rót thêm 500 tỷ USD vào hoạt động kinh doanh tại Mỹ.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

KLB - KienlongBank báo lãi ròng gần 1,900 tỷ đồng năm 2025: Trong Q4/2025, thu nhập lãi từ cho vay khách hàng đem về 2,243 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ. thu nhập lãi thuần – mảng kinh doanh cốt lõi của nhà băng tăng mạnh 33.13%, đạt 1,056 tỷ đồng. Bên cạnh đó, hoạt động dịch vụ mang về 425.4 tỷ đồng và hoạt động khác đóng góp 129.8 tỷ đồng, đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2024. Kết quả, KienlongBank báo lãi sau thuế đạt 628 tỷ đồng, tăng 123.8% so với cùng kỳ năm 2024. Lũy kế cả năm 2025, Kienlongbank ghi nhận thu nhập lãi thuần đạt 3,767 tỷ đồng, tăng 18.6% so với năm trước. Hoạt động dịch vụ đem về 897.7 tỷ đồng, hoạt động kinh doanh ngoại hối đem về 88.4 tỷ đồng, hoạt động khác đem về 409.1 tỷ đồng, tất cả đều tăng trưởng tích cực.

VRG - Khu công nghiệp đầu tiên báo lãi quý 4 tăng gấp rưỡi: Trong quý cuối năm 2025, CTCP Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam đạt doanh thu thuần gần 95 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ. Lãi sau thuế hơn 41 tỷ đồng, tăng 48%. Theo giải trình của doanh nghiệp, động lực chính đến từ việc Công ty ký được 2 hợp đồng cho thuê lại đất gắn với cơ sở hạ tầng tại khu công nghiệp Cộng Hòa trong quý 4/2025. Dẫu vậy, áp lực giá vốn tăng cao khiến kết quả cả năm của Doanh nghiệp sụt giảm, không hoàn thành mục tiêu đề ra.

TNG lãi kỷ lục 392 tỷ trong năm 2025: Công ty vừa công bố BCTC quý 4/2025 với lãi ròng đạt gần 112 tỷ đồng, gấp rưỡi cùng kỳ năm trước. Mặc dù mức lãi này thấp hơn đỉnh lợi nhuận ghi nhận trong 2 quý liền kề trước, kết quả quý 4 vẫn góp phần giúp TNG khép lại năm 2025 với bức tranh kinh doanh tích cực nhất từ trước tới nay. Lũy kế cả năm, Doanh nghiệp ghi nhận lãi ròng 392 tỷ đồng, tăng 24% so với năm 2024 và là mức cao nhất trong lịch sử hoạt động. Doanh thu năm 2025 đạt gần 8,700 tỷ đồng, tăng thêm hơn 1,000 tỷ đồng (+12%) so với năm trước.

GEE - Gelex Electric muốn nâng cổ tức tiền mặt lên 55%, mã GEE tăng kịch trần: Gelex Electric điều chỉnh cổ tức 2025 thành 55% tiền mặt; phát hành thêm 274 triệu cổ phiếu, vốn tăng lên 6,404 tỷ đồng. Doanh thu 9 tháng đạt 18,235 tỷ đồng (+24%), lợi nhuận sau thuế 2,845 tỷ đồng (tăng 2,6 lần).

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415